

LÝ LUẬN VỀ LÃI SUẤT VÀ VẤN ĐỀ HẠ LÃI SUẤT CHO VAY ĐỂ NÂNG CAO LỢI NHUẬN CỦA CÁC XÍ NGHIỆP

TS. LÊ KHOA



Hiện nay, lý luận về lãi suất được đa số chấp thuận là lãi suất là phần thưởng dành cho người tiết kiệm. Tại sao người dân có tiền, lại không tiêu tiền ngay mà bỏ vào ngân hàng? Đó là vì người dân muốn được một phần thưởng dành cho sự thất lưng buộc bụng của mình. Nhà nước khuyến khích người dân tiết kiệm, vì nếu như ai có bao nhiêu tiền đều tiêu xài hết, không gửi vào ngân hàng, thì ngân hàng lấy tiền ở đâu cho các xí nghiệp vay?

1. Lãi suất theo mệnh giá - lãi suất thực (quan điểm người gửi tiền)

Hàng năm giá sinh hoạt tăng. Nếu lãi suất tiết kiệm là 1,5% tháng, khi gửi 100 đồng, người gửi sẽ thu về 118 đồng vào ngày cuối năm. Lãi suất

theo mệnh giá (hoặc theo danh nghĩa) là 18%. Tuy nhiên, nếu trong thời gian 1 năm gửi tiền, giá tăng 15%, thì lãi suất theo thực giá chỉ là $18\% - 15\% = 3\%$ năm. Như thế là ít, chưa hấp dẫn người tiết kiệm gửi nhiều tiền, tuy nhiên lãi suất vẫn còn dương. Nếu như giá tăng 18% năm, người gửi tiền hòa vốn, còn nếu giá tăng quá 18% năm, thì người tiết kiệm gửi tiền vào ngân hàng lỗ vốn (lãi suất âm) từ đó có ý kiến cho rằng nhà cầm quyền có tính cách dương và khá cao để khuyến khích tiết kiệm, các ngân hàng có nguồn vốn khá dồi dào cho các xí nghiệp vay.

2. Tỷ suất lợi nhuận bình quân - so sánh lãi suất phải trả cho ngân hàng khi đi vay

với lợi nhuận bình quân (hay lợi nhuận của từng xí nghiệp riêng rẽ) (quan điểm của người vay tiền)

Các xí nghiệp, trái lại khi vay tiền ngân hàng, so sánh lợi nhuận mà mình có thể thực hiện được với lãi suất mà mình phải trả cho ngân hàng. Giả thuyết lợi nhuận có thể thực hiện được là 22% năm, còn lãi suất đi vay ngân hàng là 18,5% một năm. Lợi nhuận sau khi trả tiền lãi vay ngân hàng là $22 - 18,5 = 3,5\%$. Cũng lưu ý rằng người đi vay tiền không lưu tâm đến tốc độ tăng giá, mà chỉ so sánh lợi nhuận có thể thực hiện được của xí nghiệp với lãi suất phải trả cho ngân hàng. Khi sai biệt có tính dương thì xí nghiệp sẵn sàng vay tiền. Khi sai biệt có tính âm thì người đi vay tiền không dám vay tiền

của ngân hàng, trừ một số xí nghiệp bị chủ nợ thúc hối, phải vay nợ mới (với lãi suất cao) để thanh toán nợ cũ đáo hạn.

3. Lợi nhuận bình quân

Ở trên chúng tôi sử dụng quan điểm lợi nhuận riêng của từng xí nghiệp. Trong nước, bao giờ cũng có những xí nghiệp có lãi, và những xí nghiệp kinh doanh lỗ. Do đó, những xí nghiệp có lợi nhuận cao dám đến ngân hàng vay tiền, dù lãi suất có cao chăng nữa. Nhưng các xí nghiệp có lợi nhuận thấp không dám đến ngân hàng vay tiền. Kinh tế vĩ mô trái lại sử dụng quan điểm lợi nhuận bình quân tỷ như 3 xí nghiệp có lợi nhuận là 25%, 20%, 15%, vậy lợi nhuận bình quân là 20%. (Thật ra, cách tính phức tạp hơn nhiều vì có xí nghiệp có nhiều vốn, có xí nghiệp chỉ có ít vốn). Các xí nghiệp chỉ vay tiền khi lãi suất cho vay thấp hơn 20%/năm. Nói 20% cho rộng rãi, nhưng thực tế lợi nhuận bình quân thấp hơn nhiều, trong tình hình bị hàng nhập khẩu cạnh tranh, lợi nhuận bình quân thấp, có khi là âm.

Dấu sao giữa quan điểm của người gửi tiền vào ngân hàng và quan điểm của xí nghiệp đến ngân hàng vay tiền có nhiều khác biệt. Người gửi tiền muốn lãi suất tiết kiệm phải cao và chú ý đến tốc độ mất giá của tiền. Người vay tiền trái lại so sánh lợi nhuận mong chờ với lãi suất vay tiền, và nếu tiền mất giá, họ lại càng mừng. Thí dụ: vay 50 triệu để mua một xe ô tô. Sau 3 năm, với lãi suất 18%/năm phải trả cho ngân hàng 54% hay vừa vốn và lời là 77 triệu đồng. Nhưng nếu tiền mất giá, chiếc xe đã xài 3 năm trị giá đến 90 triệu đồng, thì khi đem bán chiếc xe người vay tiền vẫn có khả năng trả vốn và lời cho ngân hàng và còn một số lãi 90 - 77 = 13 triệu đồng. Đó là chưa kể việc người có xe được sử dụng chiếc xe mới trong ba năm mà không mất tiền khấu hao hay mua xe.

4. Quan điểm giá thực và giá danh nghĩa: cái nào đúng, cái nào sai?

Lý luận về giá thực rất hấp dẫn, song có khuyết điểm là tương lai đầy bất trắc, có ai biết trong tương lai giá sẽ tăng bao nhiêu phần trăm? Năm 1995, 6 tháng đầu, giá tăng 11,1%. Sáu tháng cuối năm, giá chỉ tăng 1,6%: đến ngày 31.12.1995 chỉ số tăng giá (được gọi là lạm phát) chỉ lên 12,7%. Lý luận về lãi suất theo thực giá giả thuyết rằng người gửi tiền tiên đoán được và đúng giá mỗi năm sẽ tăng bao nhiêu, và so sánh tỷ lệ mất giá của tiền với lãi suất tiết kiệm. Điều này không thực tế.

5. Nguồn gốc của lãi suất tiết kiệm

Tiền tiết kiệm là những số tiền nhàn rỗi nhất thời chưa sử dụng, gửi

ngân hàng để tránh bị mất cắp v.v... Thí dụ bạn có 1 triệu đồng. Số tiền này hiện nay rất ít, mua nhà không được, mua xe không được, để ở nhà thêm phiền vì có thể bị mất cắp, phải đếm, giữ, giấu, cất, chỉ bằng gói quách cho ngân hàng, được lãi bao nhiêu hay bấy nhiêu. Sau đó bạn có thêm nhiều triệu đồng mới, cũng như số tiền 1 triệu đồng trước, để ở nhà thêm phiền, gửi vào ngân hàng cho tiện. Ngân hàng là cơ quan làm thủ quỹ không công cho quý bạn, giữ kín bí mật, không cho ai biết bạn có bao nhiêu tiền. Muốn chi tiền, bạn chỉ cần viết một cái séc là xong (nếu gửi hoạt kỳ). Cho nên ở các nước phát triển, nhân dân có bao nhiêu tiền, đều gửi vào ngân hàng, không giữ ở nhà, tiền gửi kỳ thác hoạt kỳ là những số tiền nhàn rỗi nhất thời chưa sử dụng, gửi ngân hàng để tránh bị mất cắp, có thể huy động bất cứ lúc nào bằng séc. Ngân hàng chỉ trả cho người gửi kỳ thác hoạt kỳ tiền lãi rất thấp, nhưng người dân vẫn gửi tiền vào ngân hàng, vì kỳ thác hoạt kỳ được gửi vào ngân hàng để dùng giao dịch, thanh toán, chứ không phải gửi vào ngân hàng để lấy lời. Ngân hàng không trả lãi cho người gửi tiền, thậm chí thời xưa ngân hàng còn tính công "giữ tiền" đối với người gửi tiền, người gửi tiền vẫn gửi tiền vào ngân hàng.

Có ý kiến rằng: kỳ thác hoạt kỳ có thể rút ra bất cứ lúc nào, khác với tiền tiết kiệm phải gửi từ 3 tháng trở lên. Thật ra, người gửi tiền tiết kiệm ba tháng, hay 6 tháng chẳng nữa, khi cần tiền, vẫn có thể đến ngân hàng thế chấp các kỳ phiếu và vay ngân hàng, vậy kỳ thác tiết kiệm và kỳ thác định kỳ không khác nhau bao nhiêu.

Trên báo *Sài Gòn Giải Phóng* ngày 14.3.1995 có ý kiến rằng nên trả lương cán bộ công nhân viên bằng cách chuyển tiền vào tài khoản của họ ở ngân hàng. Ở nước ngoài, nhà nước khuyến khích người dân sử dụng séc, những khoản thanh toán lớn, giá dụ như trên một triệu đồng, nếu thanh toán bằng tiền mặt, sẽ chịu thuế và phí cao hơn việc thanh toán bằng séc. Nếu ở VN, việc thanh toán tiền lương, tiền thuê, tiền mua nhà, đất, xe, các loại hàng trên 1 triệu đồng đều phải thực hiện bằng séc, thì người dân sẽ gửi tiền vào ngân hàng, dù cho ngân hàng chỉ trả cho người gửi tiền một lãi suất thấp chẳng nữa.

Mặt khác, chỉ những người có tiền nhiều mới gửi tiền vào ngân hàng. Danh từ "thắt lưng buộc bụng" chỉ đúng với những người cán bộ công nhân viên có tiền lương thấp. Còn đối với những người có tiền nhiều thì không đúng. Ngân hàng là cơ quan giao dịch phần lớn với những khách có nhiều tiền, chứ không phải với

những người có đồng lương tối thiểu.

Cũng nên so sánh lợi ích của người sản xuất, xuất khẩu với lợi ích của người "tiết kiệm". Người tiết kiệm đáng khen ở chỗ "thắt lưng buộc bụng", còn người sản xuất xuất khẩu đáng khen ở chỗ làm ra của cải và ngoại tệ. Giữa người tiết kiệm và người sản xuất, xuất khẩu nên ưu tiên cho ai? Hiện nay, vì lãi suất quá cao, nên có xí nghiệp phải ra của cải cho ngân hàng bằng tiền lương trả cho nhân công. Đó là điều không hợp lý. Lãi suất quá cao khiến cho doanh thu và lợi nhuận các xí nghiệp trở nên thấp, đầu tư kém, tiền lương nhân công thấp.

Quan điểm về tiết kiệm cũng thay đổi theo đà tiến bộ của sản xuất. Khi trước, lương thực, thực phẩm chưa đủ dùng, các bà mẹ tần tảo chỉ cho con cái ăn ít mà thôi. Ngày nay, trái lại các bà mẹ cho con cái ăn đủ thịt, cá, trái cây, uống sữa, để tránh cho con bị thiếu dinh dưỡng. Sản xuất nhiều phải đi đôi với tiêu thụ nhiều, bằng không hàng hóa sẽ ứ đọng, kinh tế sẽ khủng hoảng. Tiết kiệm tốt nhất là không nên dùng ngoại tệ mua hàng tiêu dùng nước ngoài, nếu hàng tiêu dùng được sản xuất trong nước thì nên khuyến khích việc tiêu dùng nó.

6. Cung và cầu trên thị trường tiền tệ

Kể từ ngày 1.1.1996, theo quyết định 381 ngày 28.12.1995 của Thống đốc ngân hàng nhà nước, lãi suất cho vay ngắn hạn là 1,75%, lãi suất cho vay trung dài hạn là 1,70%. Các ngân hàng cổ phần nông thôn cho vay với lãi suất 2,0%, và các quỹ tín dụng với lãi suất 2,5%. Tỷ lệ chênh lệch giữa lãi suất cho vay và lãi suất huy động là 0,35% tháng. Khi quyết định này được ban hành, có ý kiến e ngại rằng các người gửi tiền vào ngân hàng sẽ rút tiền ra và ngân hàng sẽ không có vốn cho vay.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy sau khi áp dụng biểu lãi suất mới trên đây, số tiền tiết kiệm gửi vào ngân hàng tiếp tục tăng chứ không giảm. Ở TP.HCM, tiền tiết kiệm tăng bình quân 2 tỷ đồng mỗi ngày. Ở các nơi khác, tiền tiết kiệm cũng tăng tương tự, tuy ít hơn. Cái lo của ngân hàng ngày nay, là tìm được người vay, chứ không phải người gửi tiền không gửi tiền.

Lãi suất cho vay trung hạn 1,7%/tháng vẫn còn quá cao so với lãi suất các nước trên thế giới, chỉ khoảng dưới 7 - 8%/năm. Lãi suất cho vay càng thấp bao nhiêu, kinh tế càng phồn thịnh bấy nhiêu. Do đó, nên giảm thêm lãi suất cho vay, và giảm bằng cách thay đổi từ lãi suất, mỗi lần chừng 0,5%, để tránh những xáo trộn bất ngờ.